



Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
(không bao gồm các đơn vị trực thuộc)

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 055188 ngày 11 tháng 2 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
	Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Ủy viên
	Ông Đậu Công Lưu	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
	Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên
	Ông Đỗ Hồng Trường	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)
Ông Vũ Trường Giang	Ủy viên	
Ông Mai Tiến Sỹ	Ủy viên (đến ngày 15/6/2017)	

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/1/2017)

Ban Kiểm soát	Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
	Bà Đặng Thúy Định	Thành viên (đến ngày 15/6/2017)
	Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên
	Bà Dương Thu Hiền	Thành viên (từ ngày 15/6/2017)

Trụ sở đăng ký
Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Văn phòng Công ty (không bao gồm các đơn vị trực thuộc) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa tổng hợp các đơn vị trực thuộc của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa tổng hợp các đơn vị trực thuộc và lưu chuyển tiền tệ chưa tổng hợp các đơn vị trực thuộc của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Văn phòng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Văn phòng Công ty”, không bao gồm các đơn vị trực thuộc), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa tổng hợp các đơn vị trực thuộc của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa tổng hợp các đơn vị trực thuộc và lưu chuyển tiền tệ chưa tổng hợp các đơn vị trực thuộc của Văn phòng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-203-SX-VP



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		121.024.958.197	112.131.441.358
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	5.422.987.189	7.685.876.385
Tiền	111		1.422.987.189	1.685.876.385
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		419.750.000	325.400.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	967.760.500	967.760.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(548.010.500)	(642.360.500)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.302.987.267	102.987.019.181
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	5.921.727.153	7.364.523.256
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		539.650.000	493.800.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	11	103.763.178.774	93.738.860.923
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	4.099.782.920	1.411.186.582
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(21.351.580)	(21.351.580)
Hàng tồn kho	140	13	280.969.472	443.189.059
Hàng tồn kho	141		280.969.472	443.189.059
Tài sản ngắn hạn khác	150		598.264.269	689.956.733
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	207.289.721	189.956.733
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20(a)	390.974.548	500.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		38.171.624.001	48.052.326.916
Tài sản cố định	220		15.115.327.309	16.241.059.371
Tài sản cố định hữu hình	221	15	15.115.327.309	16.241.059.371
Nguyên giá	222		44.580.345.193	41.587.186.218
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.465.017.884)	(25.346.126.847)
Tài sản dở dang dài hạn	240		265.456.529	8.270.749.251
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	265.456.529	8.270.749.251
Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.994.721.833	17.994.721.833
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	5.400.000.000	5.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(20.999.702.169)	(20.999.702.169)
Tài sản dài hạn khác	260		4.796.118.330	5.545.796.461
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	4.796.118.330	5.063.897.510
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	-	481.898.951
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		159.196.582.198	160.183.768.274

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

H. H. T. H. A. K. C.


Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		3.398.188.217	7.547.064.851
Nợ ngắn hạn	310		3.398.188.217	7.547.064.851
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.871.614.039	1.944.447.497
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		175.849	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(b)	184.786.674	1.652.557.287
Phải trả người lao động	314		-	140.822.485
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		240.567.531	180.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	101.044.124	3.629.237.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		155.798.393.981	152.636.703.423
Vốn chủ sở hữu	410	22	155.798.393.981	152.636.703.423
Vốn cổ phần	411	23	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	16.439.056.399	16.439.056.399
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.359.357.582	26.197.667.024
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		26.127.575.968	39.097.619.572
- LNST/(lô) chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		3.231.781.614	(12.899.952.548)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		159.196.582.198	160.183.768.274

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
Người lập

Người duyệt:



Đâu Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	16.520.534.549	21.852.226.424
Giá vốn hàng bán	11	27	13.560.639.007	15.933.452.783
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.959.895.542	5.918.773.641
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	785.732.939	1.035.893.193
Chi phí tài chính	22	29	(80.243.139)	19.312.821.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	2.782.659.170	3.319.004.048
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		1.043.212.450	(15.677.158.265)
Thu nhập khác	31		4.000.000	-
Chi phí khác	32		-	487.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.000.000	(487.000)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.047.212.450	(15.677.645.265)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	164.046.452	924.000
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	481.898.951	(2.069.977.176)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		401.267.047	(13.608.592.089)

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
Người lập

Người duyệt:



Đâu Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		1.047.212.450	(15.677.645.265)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.171.492.540	1.447.023.644
Các khoản dự phòng	03		(94.350.000)	19.303.014.585
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(777.437.492)	(1.035.767.807)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.346.917.498	4.036.625.157
Biến động các khoản phải thu	09		(427.178.884)	12.430.388.285
Biến động hàng tồn kho	10		162.219.587	97.006.990
Biến động các khoản phải trả	11		(933.368.465)	(1.467.522.434)
Biến động chi phí trả trước	12		204.685.714	9.328.421
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	1.952.017
			353.275.450	15.107.778.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.705.920.141)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	101.698.822
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(140.600.000)	(1.301.788.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		212.675.450	10.201.768.686

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(17.057.694)	(7.240.565.906)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		795.493.048	1.073.845.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		778.435.354	(6.166.720.321)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(3.254.000.000)	(3.917.838.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.254.000.000)	(3.917.838.390)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.262.889.196)	117.209.975
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	7.685.876.385	8.368.839.234
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	5.422.987.189	8.486.049.209

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

(b) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Số 11 Đường Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Quảng Ninh (“Chi nhánh Quảng Ninh”)	Số 7, Ngõ 6, Phố Hải Vân, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh (“Chi nhánh Hồ Chí Minh”)	Tầng 3, Tòa nhà Lexington, 67 Đường Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hà Nội (“Chi nhánh Hà Nội”)	Tòa nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng Hải Quốc tế Hà Nội – OCEAN PARK, Số 1, Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Chi nhánh Vũng Tàu”)	B8 Đường Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập cho riêng Văn phòng Công ty và không bao gồm các giao dịch, số dư và các sự kiện khác của các đơn vị trực thuộc nêu trên.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, kinh doanh xăng dầu; và
- Dịch vụ cho thuê container.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Văn phòng Công ty có 77 nhân viên (1/1/2017: 79 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa bao gồm báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc của Công ty. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Văn phòng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Văn phòng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Văn phòng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí bán hàng trực tiếp.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	4 – 7 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các bên liên quan bao gồm các đơn vị trực thuộc, công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và các công ty con, công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Văn phòng Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

204
ĐANG
NHÌN
KP
TƯ L

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Văn phòng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	745.446.251	160.680.056
Tiền gửi ngân hàng	677.540.938	1.525.196.329
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	6.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	5.422.987.189	7.685.876.385

(*) Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND (1/1/2017: 2.000 triệu VND) bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	30/6/2017			Số lượng	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	25.200.000	250.410.500	15.000	272.760.500	25.200.000	247.560.500
▪ Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	10.200.000	172.600.000	10.000	195.000.000	10.200.000	184.800.000
▪ Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	50.000	500.000.000	384.350.000	125.000.000	50.000	500.000.000	290.000.000	210.000.000
		<u>967.760.500</u>	<u>419.750.000</u>	<u>548.010.500</u>		<u>967.760.500</u>	<u>325.400.000</u>	<u>642.360.500</u>

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2017			1/1/2017				
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	Hải Phòng	24,1%	5.400.000.000	-	(*)	24,1%	5.400.000.000	-	(*)	
▪ Đơn vị khác										
• Công TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines (**)	Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	11,3%	33.594.424.002	20.999.702.169	(*)	11,3%	33.594.424.002	20.999.702.169	(*)	
			<u>38.994.424.002</u>	<u>20.999.702.169</u>	<u>(*)</u>	<u>38.994.424.002</u>			<u>20.999.702.169</u>	<u>(*)</u>

(*) Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Khoản dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư phát sinh liên quan đến khoản lỗ từ thanh lý Ụ nội 83M của Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines trong năm 2016.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	557.167.770	1.077.960.490
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	6.810.000	58.110.400
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	428.242.100	-
Bên thứ ba		
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	736.227.000	726.961.200
CN Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng VICONSHIP	486.102.160	-
Triton Container(s) Pte Ltd	257.945.732	1.440.350.881
Các khách hàng khác	3.449.232.391	4.061.140.285
	5.921.727.153	7.364.523.256

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi nhánh Hà Nội	5.351.418.192	5.786.492.108
Chi nhánh Hồ Chí Minh	78.135.348.877	76.254.714.439
Chi nhánh Vũng Tàu	20.276.411.705	11.697.654.376
	103.763.178.774	93.738.860.923

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tạm ứng	544.487.891	366.050.641
Tạm ứng vật tư	172.096.541	176.431.544
Phải thu người lao động	2.535.842.292	115.259.992
Các khoản chi hộ	83.405.812	83.561.244
Phải thu tiền lãi	-	18.055.556
Phải thu khác	763.950.384	651.827.605
	<hr/>	<hr/>
	4.099.782.920	1.411.186.582
	<hr/>	<hr/>

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	103.266.183	201.946.962
Hàng hóa	177.703.289	241.242.097
	<hr/>	<hr/>
	280.969.472	443.189.059
	<hr/>	<hr/>

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2017			1/1/2017			Giá trị có thể thu hồi VND	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng Hoa Việt Nam	trên 3 năm	10.938.720	10.938.720	-	trên 3 năm	10.938.720	10.938.720	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Chiến Thắng	trên 3 năm	5.462.860	5.462.860	-	trên 3 năm	5.462.860	5.462.860	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	trên 3 năm	4.950.000	4.950.000	-	trên 3 năm	4.950.000	4.950.000	-
		<u>21.351.580</u>	<u>21.351.580</u>	-		<u>21.351.580</u>	<u>21.351.580</u>	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>21.351.580</u>			<u>21.351.580</u>		

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	22.171.870.064	6.911.397.929	12.066.231.863	52.231.818	385.454.544	41.587.186.218
Điều chuyển sang đơn vị trực thuộc	-	2.993.158.975	-	-	-	2.993.158.975
Số dư cuối kỳ	22.171.870.064	9.904.556.904	12.066.231.863	52.231.818	385.454.544	44.580.345.193
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	11.784.902.679	6.911.397.929	6.270.548.981	52.231.818	327.045.440	25.346.126.847
Khấu hao trong kỳ	405.993.335	-	661.329.636	-	58.409.091	1.125.732.062
Điều chuyển sang đơn vị trực thuộc	-	2.993.158.975	-	-	-	2.993.158.975
Số dư cuối kỳ	12.190.896.014	9.904.556.904	6.931.878.617	52.231.818	385.454.531	29.465.017.884
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	10.386.967.385	-	5.795.682.882	-	58.409.104	16.241.059.371
Số dư cuối kỳ	9.980.974.050	-	5.134.353.246	-	13	15.115.327.309

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 16.577 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 13.914 triệu VND).

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	8.270.749.251
Tăng trong kỳ	17.057.694
Chuyển sang tài sản cố định của đơn vị trực thuộc	(8.022.350.416)
	265.456.529

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Văn phòng làm việc phía Nam	142.911.074	8.148.203.796
Dự án Bãi Container Đình Vũ	122.545.455	122.545.455
	265.456.529	8.270.749.251

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bảo hiểm xe	190.093.088	105.288.000
Phí cầu đường	17.196.633	84.668.733
	207.289.721	189.956.733

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	4.476.898.301	586.999.209	5.063.897.510
Phân bổ trong kỳ	(45.760.478)	(222.018.702)	(267.779.180)
Số dư cuối kỳ	4.431.137.823	364.980.507	4.796.118.330

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2017 VND	1/1/2017 Đã điều chỉnh lại VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Giá trị thuế của các khoản lỗ tính thuế trong kỳ	-	481.898.951

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	98.906.667	319.018.667
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Đức Phát	213.946.000	448.084.000
Công ty Xăng dầu Khu vực 3 - TNHH MTV	985.307.457	399.114.320
Các nhà cung cấp khác	1.573.453.915	778.230.510
	2.871.614.039	1.944.447.497

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Văn phòng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán. Tại ngày báo cáo, Văn phòng Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000.000	(164.046.452)	-	335.953.548
Tiền thuê đất	-	(756.605.000)	775.471.000	18.866.000
Thuế đất	-	(36.155.000)	72.310.000	36.155.000
	500.000.000	(956.806.452)	847.781.000	390.974.548

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 (Đã điều chỉnh lại) VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.616.049.339	1.694.031.998	(3.159.539.506)	150.541.831
Thuế thu nhập cá nhân	36.507.948	314.924.457	(317.187.562)	34.244.843
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	1.652.557.287	2.012.956.455	(3.480.727.068)	184.786.674

21. Phải trả khác ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả cho công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	3.254.000.000
Kinh phí công đoàn	84.044.108	145.237.566
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	230.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	17.000.016	16
	101.044.124	3.629.237.582

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	11.860.285.499	42.158.544.602	164.018.810.101
Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã trình bày trước đây	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	11.860.285.499	43.433.746.602	165.294.012.101
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh số 35)	-	-	-	-	(1.275.202.000)	(1.275.202.000)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(13.608.592.089)	(13.608.592.089)
Lợi nhuận chuyển về từ các chi nhánh	-	-	-	-	6.256.797.387	6.256.797.387
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.515.537.433	(4.515.537.433)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.921.332.140)	(1.921.332.140)
Cổ tức	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
Khác	-	-	-	63.233.467	-	63.233.467
Số dư tại ngày 30 /6/2016 - đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	17.569.882.727	144.008.919.126

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017 - đã điều chỉnh lại	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	26.197.667.024	152.636.703.423
Số dư tại ngày 1/1/2017	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	27.472.869.024	153.911.905.423
- Đã trình bày trước đây						
<i>Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh số 35)</i>	-	-	-	-	(1.275.202.000)	(1.275.202.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	401.267.047	401.267.047
Lợi nhuận chuyển về từ các chi nhánh	-	-	-	-	2.830.514.567	2.830.514.567
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(70.091.056)	(70.091.056)
Số dư tại ngày 30/6/2017	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	29.359.357.582	155.798.393.981

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	2	20.000	2	20.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.999.998	89.999.980.000	8.999.998	89.999.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	2.035.810.000	2.035.810.000
Trong vòng hai đến năm năm	8.143.240.000	8.143.240.000
Sau năm năm	34.442.315.000	35.460.220.000
	44.621.365.000	45.639.270.000

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	22.602	513.197.035	29.878	678.796.779

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	4.709.604.718	4.571.263.909
▪ Cung cấp dịch vụ	11.810.929.831	17.280.962.515
Doanh thu thuần	16.520.534.549	21.852.226.424

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	4.460.675.509	4.411.141.340
▪ Dịch vụ đã cung ứng	9.099.963.498	11.522.311.443
	13.560.639.007	15.933.452.783

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	129.437.492	106.242.807
Cổ tức được chia	648.000.000	929.525.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.295.447	31.730
Khác	-	93.656
	785.732.939	1.035.893.193

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(94.350.000)	93.586.600
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	19.209.990.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.106.861	9.084.826
Chi phí tài chính khác	-	159.167
	(80.243.139)	19.312.821.051

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.420.376.376	1.606.338.946
Chi phí khấu hao	16.824.348	16.824.348
Chi phí bằng tiền khác	964.243.172	1.353.170.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.191.000	323.459.788
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	111.024.274	19.210.000
	2.782.659.170	3.319.004.048

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
 Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.397.136.701	4.411.141.340
Chi phí nhân công	4.155.155.618	6.052.976.097
Chi phí khấu hao	1.171.492.540	1.447.023.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.243.429.595	4.150.514.912
Chi phí khác	3.312.544.915	3.190.800.838

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ này	164.046.452	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	924.000
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(2.069.977.176)
Sử dụng lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	481.898.951	-
	645.945.403	(2.069.053.176)

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.047.212.450	(15.677.645.265)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	209.442.490	(3.135.529.053)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	97.400
Thu nhập không bị tính thuế	(129.600.000)	(185.905.000)
Thuế phát sinh từ các chi nhánh	566.102.913	1.251.359.477
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	924.000
	645.945.403	(2.069.053.176)

(c) Thuế suất áp dụng

Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Văn phòng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho	
	kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2016
	30/6/2017	VND
	VND	VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức đã trả	-	1.254.000.000
Chia cổ tức	-	5.508.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.481.600.435	1.256.400.000

Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Điều chuyển tài sản cố định sang đơn vị trực thuộc	8.022.350.416	-

35. Số liệu so sánh

Theo Quyết định số 206/QĐ-TTTP của Thanh tra Thành phố Hải Phòng công bố kết quả kiểm tra của Công ty cho giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Công ty phải nộp bổ sung một khoản thuế giá trị gia tăng cho giai đoạn 2012-2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng đây là một sai sót và đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trong báo cáo tài chính liên quan đến vấn đề này. Bảng so sánh số liệu đã báo cáo trước đây và sau khi điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017	Điều chỉnh theo kết quả của Thanh tra Thành phố Hải Phòng	1/1/2017
	(theo báo cáo trước đây)	Hải Phòng	(đã điều chỉnh lại)
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	377.355.287	1.275.202.000	1.652.557.287
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	122.597.115	359.301.836	481.898.951
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.113.567.188	(915.900.164)	26.197.667.024
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	40.372.821.572	(1.275.202.000)	39.097.619.572

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc